

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock Exchange  
on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

P.602 Tầng 6 tòa nhà Centre Point-106  
Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q.Phú Nhuận,  
TP.HCM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: 04/8/2018-CBTT

Tp.HCM, ngày 15 tháng 8 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DTA
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 2/6 – 2/8 Núi Thành Phường 13 Quận Tân Bình Tp, HCM
- Địa chỉ kinh doanh: P.602 Tầng 6 tòa nhà Centre Point-106 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
- Điện thoại/ *Telephone*: 028.3997.4668
- Fax: 028.3997.4679
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: TRẦN THỊ QUỲNH TRANG  
Chức vụ/ *Position*: Trưởng phòng Pháp Chế Công ty.
- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu  
*Information disclosure type*: ☐ Periodic ☐ Irregular ☐ 24 hours ☐ On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ *Content of Information disclosure (\*)*:**

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 ngày 14/8/2018 của CTCP Đệ Tam.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

*In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.*

*Lý do/ Reason: .....*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 15/8/2018 tại đường dẫn : <http://www.detamland.com>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 15/8/2018 Available at: <http://www.detamland.com>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



TRẦN THỊ QUỲNH TRANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

**Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018**

**kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

**MỤC LỤC**

| <b>NỘI DUNG</b>                        | <b>TRANG</b> |
|----------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ          | 3-5          |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT                       | 6            |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT     |              |
| - Bảng cân đối kế toán                 | 7-10         |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 11           |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 12-13        |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính        | 14-37        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đệ Tam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần Đệ Tam ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303118498 ngày 12/01/2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DTA kể từ ngày 16/7/2010 theo Quyết định số 130/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2010.

#### Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Kinh doanh nhà. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình). Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn. Mua bán: vật liệu xây dựng; điện cơ; điện lạnh; dụng cụ thể thao; hàng công nghệ phẩm. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Mua bán, sửa chữa ô tô. Hoạt động thể thao. Kinh doanh: khu vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Đại lý bán vé máy bay.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - ngành nông - lâm nghiệp - văn phòng. Dịch vụ dọn vệ sinh văn phòng, nhà ở. Dịch vụ chăm sóc cây cảnh. Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại). Môi giới, đầu giá bất động sản. Quảng cáo bất động sản. Sân giao dịch bất động sản. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

#### Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 150.000.000.000 VNĐ

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2018: 150.000.000.000 VNĐ

#### Hội đồng quản trị Công ty gồm:

|                        |                                             |
|------------------------|---------------------------------------------|
| Ông : Trần Đức Lợi     | Chủ tịch HĐQT                               |
| Bà : Phạm Thị Kim Xuân | Thành viên                                  |
| Ông : Trần Quang Mỹ    | Thành viên                                  |
| Ông : Nguyễn Chí Thành | Thành viên (hết nhiệm kỳ từ ngày 28/4/2018) |
| Ông : Trương Hùng      | Thành viên (hết nhiệm kỳ từ ngày 28/4/2018) |
| Bà : Nguyễn Hồng Mai   | Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/4/2018)        |
| Bà : Vũ Thị Thanh Vân  | Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/4/2018)        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

### Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

|                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| Bà : Phạm Thị Kim Xuân | Tổng Giám đốc     |
| Ông : Trần Văn Hùng    | Phó Tổng giám đốc |

### Ban kiểm soát gồm:

|                        |                                                       |
|------------------------|-------------------------------------------------------|
| Ông : Nguyễn Hữu Nghĩa | Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 23/5/2018)        |
| Ông : Trần Văn Hùng    | Trưởng ban kiểm soát (hết nhiệm kỳ từ ngày 23/5/2018) |
|                        | Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/5/2018)                  |
| Bà : Hoàng Thị Thu Hà  | Thành viên                                            |
| Ông : Trần Minh Ngọc   | Thành viên                                            |
| Bà : Nguyễn Thị Gấm    | Thành viên (hết nhiệm kỳ từ ngày 28/4/2018)           |

Kế toán trưởng: Bà : Trần Thị Hào

### Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đức Lợi

Số: 560.../BCSX/TC/2018/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đệ Tam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đệ Tam, được lập ngày 15 tháng 7 năm 2018, từ trang 7 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đệ Tam chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc  
  
**ĐỖ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Nội Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

| TÀI SẢN     |                                                  | Mã số      | Thuyết minh  | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|-------------|--------------------------------------------------|------------|--------------|------------------------|------------------------|
| <b>A</b>    | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |              | <b>66.494.492.790</b>  | <b>74.987.931.361</b>  |
| <b>I.</b>   | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.01</b>  | <b>7.561.325.549</b>   | <b>15.348.347.508</b>  |
| 1           | Tiền                                             | 111        |              | 4.885.946.339          | 7.848.347.508          |
| 2           | Các khoản tương đương tiền                       | 112        |              | 2.675.379.210          | 7.500.000.000          |
| <b>II.</b>  | <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>       | <b>120</b> |              | -                      | -                      |
| 1           | Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |              | -                      | -                      |
| 2           | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)     | 122        |              | -                      | -                      |
| 3           | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |              | -                      | -                      |
| <b>III.</b> | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |              | <b>56.813.528.881</b>  | <b>57.244.365.958</b>  |
| 1           | Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | <b>V.02</b>  | 6.575.832.864          | 8.774.994.143          |
| 2           | Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | <b>V.03</b>  | 39.037.762.590         | 38.211.817.590         |
| 3           | Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |              | -                      | -                      |
| 4           | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |              | -                      | -                      |
| 5           | Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |              | -                      | -                      |
| 6           | Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | <b>V.04a</b> | 11.199.933.427         | 10.257.554.225         |
| 7           | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)          | 137        |              | -                      | -                      |
| 8           | Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |              | -                      | -                      |
| <b>IV.</b>  | <b>Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> | <b>V.05</b>  | <b>711.533.348</b>     | <b>721.032.806</b>     |
| 1           | Hàng tồn kho                                     | 141        |              | 711.533.348            | 721.032.806            |
| 2           | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)               | 149        |              | -                      | -                      |
| <b>V.</b>   | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |              | <b>1.408.105.012</b>   | <b>1.674.185.089</b>   |
| 1           | Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |              | 204.747.403            | -                      |
| 2           | Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |              | 1.203.357.609          | 1.674.185.089          |
| 3           | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |              | -                      | -                      |
| 4           | Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ       | 154        |              | -                      | -                      |
| 5           | Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |              | -                      | -                      |
| <b>B</b>    | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                           | <b>200</b> |              | <b>259.483.026.334</b> | <b>242.765.961.523</b> |
| <b>I.</b>   | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>                | <b>210</b> |              | <b>15.894.009.750</b>  | <b>12.992.395.750</b>  |
| 1           | Phải thu dài hạn của khách hàng                  | 211        |              | -                      | -                      |
| 2           | Trả trước cho người bán dài hạn                  | 212        |              | -                      | -                      |
| 3           | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc               | 213        |              | -                      | -                      |
| 4           | Phải thu dài hạn nội bộ                          | 214        |              | -                      | -                      |
| 5           | Phải thu về cho vay dài hạn                      | 215        |              | -                      | -                      |
| 6           | Phải thu dài hạn khác                            | 216        | <b>V.04b</b> | 15.894.009.750         | 12.992.395.750         |
| 7           | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)            | 219        |              | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                          |  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>II. Tài sản cố định</b>                       |  | <b>220</b> |             | <b>12.076.041.922</b>  | <b>12.259.974.388</b>  |
| 1 Tài sản cố định hữu hình                       |  | 221        | V.06        | 3.801.401.922          | 3.985.334.388          |
| - Nguyên giá                                     |  | 222        |             | 7.236.319.699          | 7.236.319.699          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                     |  | 223        |             | (3.434.917.777)        | (3.250.985.311)        |
| 2 Tài sản cố định thuê tài chính                 |  | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                     |  | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                     |  | 226        |             | -                      | -                      |
| 3 Tài sản cố định vô hình                        |  | 227        | V.07        | 8.274.640.000          | 8.274.640.000          |
| - Nguyên giá                                     |  | 228        |             | 8.274.640.000          | 8.274.640.000          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                     |  | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                  |  | <b>230</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| - Nguyên giá                                     |  | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*)                     |  | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>               |  | <b>240</b> |             | <b>219.372.196.007</b> | <b>205.145.538.175</b> |
| 1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn   |  | 241        | V.08        | 219.372.196.007        | 205.145.538.175        |
| 2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                |  | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    |  | <b>250</b> |             | <b>11.950.000.000</b>  | <b>11.950.000.000</b>  |
| 1 Đầu tư vào công ty con                         |  | 251        |             | -                      | -                      |
| 2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh        |  | 252        |             | -                      | -                      |
| 3 Đầu tư góp vốn vào công ty khác                |  | 253        | V.09        | 11.950.000.000         | 11.950.000.000         |
| 4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) |  | 254        |             | -                      | -                      |
| 5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                |  | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                   |  | <b>260</b> |             | <b>190.778.655</b>     | <b>418.053.210</b>     |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn                      |  | 261        |             | 190.778.655            | 418.053.210            |
| 2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                 |  | 262        |             | -                      | -                      |
| 3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn    |  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4 Tài sản dài hạn khác                           |  | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                         |  | <b>270</b> |             | <b>325.977.519.124</b> | <b>317.753.892.884</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

| NGUỒN VỐN  |                                                  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|------------|--------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A</b>   | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>169.540.461.913</b> | <b>162.113.777.117</b> |
| <b>I.</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>99.191.226.831</b>  | <b>108.523.672.030</b> |
| 1          | Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 1.957.490.232          | 2.651.417.942          |
| 2          | Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 1.450.187.376          | 1.753.811.019          |
| 3          | Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước          | 313        | V.11        | 1.201.556.449          | 1.395.042.006          |
| 4          | Phải trả người lao động                          | 314        |             | 399.795.256            | 205.850.000            |
| 5          | Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.12        | 6.372.265.741          | 9.741.282.709          |
| 6          | Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7          | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8          | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 157.841.096            | 157.841.096            |
| 9          | Các khoản phải trả ngắn hạn khác                 | 319        | V.13a       | 3.096.607.332          | 3.039.981.909          |
| 10         | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                | 320        | V.14a       | 82.904.640.053         | 87.852.091.053         |
| 11         | Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 321        |             | -                      | -                      |
| 12         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi                        | 322        |             | 1.650.843.296          | 1.726.354.296          |
| 13         | Quỹ bình ổn giá                                  | 323        |             | -                      | -                      |
| 14         | Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ       | 324        |             | -                      | -                      |
|            |                                                  | <b>330</b> |             | <b>70.349.235.082</b>  | <b>53.590.105.087</b>  |
| <b>II.</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                                |            |             |                        |                        |
| 1          | Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2          | Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3          | Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4          | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5          | Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6          | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7          | Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.13b       | 14.420.129.995         | 12.661.000.000         |
| 8          | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.14b       | 55.929.105.087         | 40.929.105.087         |
| 9          | Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10         | Cổ phiếu ưu đãi                                  | 340        |             | -                      | -                      |
| 11         | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 341        |             | -                      | -                      |
| 12         | Dự phòng phải trả dài hạn                        | 342        |             | -                      | -                      |
| 13         | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                  |                                          | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|----------------------------|------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B</b>                   | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                    | <b>400</b> |             | <b>156.437.057.211</b> | <b>155.640.115.767</b> |
| <b>I.</b>                  | <b>Vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>410</b> | <b>V.15</b> | <b>156.437.057.211</b> | <b>155.640.115.767</b> |
| 1                          | Vốn đầu tư của chủ sở hữu                | 411        |             | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
|                            | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a       |             | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
|                            | - Cổ phiếu ưu đãi                        | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2                          | Thặng dư vốn cổ phần                     | 412        |             | -                      | -                      |
| 3                          | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu         | 413        |             | -                      | -                      |
| 4                          | Vốn khác của chủ sở hữu                  | 414        |             | -                      | -                      |
| 5                          | Cổ phiếu quỹ (*)                         | 415        |             | -                      | -                      |
| 6                          | Chênh lệch đánh giá lại tài sản          | 416        |             | -                      | -                      |
| 7                          | Chênh lệch tỷ giá hối đoái               | 417        |             | -                      | -                      |
| 8                          | Quỹ đầu tư phát triển                    | 418        |             | 4.579.335.311          | 4.579.335.311          |
| 9                          | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp          | 419        |             | -                      | -                      |
| 10                         | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11                         | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối        | 421        |             | 1.857.721.900          | 1.060.780.456          |
|                            | - LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước      | 421a       |             | 1.060.780.456          | (2.685.625.717)        |
|                            | - LNST CPP kỳ này                        | 421b       |             | 796.941.444            | 3.746.406.173          |
| 12                         | Nguồn vốn đầu tư XDCB                    | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II.</b>                 | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 2                          | Nguồn kinh phí                           | 431        |             | -                      | -                      |
| 3                          | Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ        | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> |                                          | <b>440</b> |             | <b>325.977.519.124</b> | <b>317.753.892.884</b> |

Lập tại tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Thị Kim Ty

Trần Thị Hào



Phạm Thị Kim Xuân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TT | Chỉ tiêu                                        | Mã số | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|----|-------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    |             | 13,395,641,449       | 5,545,100,777        |
| 2  | Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | 3,599,690,563        | -                    |
| 3  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VL01        | 9,795,950,886        | 5,545,100,777        |
| 4  | Giá vốn hàng bán                                | 11    | VL02        | 5,120,236,003        | 2,410,511,277        |
| 5  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 4,675,714,883        | 3,134,589,500        |
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    |             | 82,197,952           | 2,777,097            |
| 7  | Chi phí tài chính                               | 22    | VI.03       | 2,027,678,201        | 1,363,646,520        |
|    | Trong đó: Chi phí lãi vay                       | 23    |             | 2,027,678,201        | 1,363,646,520        |
| 8  | Chi phí bán hàng                                | 25    |             | 227,922,620          | 298,138,787          |
| 9  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.04       | 2,396,122,379        | 1,608,404,297        |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |             | 106,189,635          | (132,823,007)        |
| 11 | Thu nhập khác                                   | 31    | VI.05       | 904,183,891          | 794,301,899          |
| 12 | Chi phí khác                                    | 32    | VI.06       | 11,357,377           | 20,000,000           |
| 13 | Lợi nhuận khác                                  | 40    |             | 892,826,514          | 774,301,899          |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 50    |             | 999,016,149          | 641,478,892          |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 51    | VI.07       | 202,074,705          | -                    |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | 52    |             | -                    | -                    |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 60    |             | 796,941,444          | 641,478,892          |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70    | VI.08       | 53                   | 43                   |

Lập tại tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Đoàn Thị Kim Ty

  
Trần Thị Hào



  
Đoàn Thị Kim Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT       | Chi tiêu                                                     | Mã số | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|-----------|--------------------------------------------------------------|-------|----------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>                     |       |                      |                      |
| 1.        | Lợi nhuận trước thuế                                         | 01    | 999.016.149          | 641.478.892          |
| 2.        | Điều chỉnh cho các khoản                                     |       |                      |                      |
|           | Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                       | 02    | 183.932.466          | 181.007.298          |
|           | Các khoản dự phòng                                           | 03    | -                    | -                    |
|           | (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các      | 04    | -                    | -                    |
|           | khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ                            |       |                      |                      |
|           | (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư                                 | 05    | (82.197.952)         | (2.777.097)          |
|           | Chi phí lãi vay                                              | 06    | 2.038.743.671        | 1.363.646.520        |
|           | Các khoản điều chỉnh khác                                    | 07    | -                    | -                    |
| 3.        | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn         | 08    | 3.139.494.334        | 2.183.355.613        |
|           | lưu động                                                     |       |                      |                      |
|           | (Tăng) giảm các khoản phải thu                               | 09    | (1.924.570.233)      | 1.551.215.004        |
|           | (Tăng) giảm hàng tồn kho                                     | 10    | (12.898.976.556)     | (10.051.187.300)     |
|           | Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,   | 11    | (3.690.971.829)      | (7.883.437.655)      |
|           | thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)                         |       |                      |                      |
|           | (Tăng) giảm chi phí trả trước                                | 12    | (899.441.431)        | (55.275.655)         |
|           | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                            | 13    | -                    | -                    |
|           | Tiền lãi vay đã trả                                          | 14    | (1.116.775.088)      | (1.935.648.296)      |
|           | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                            | 15    | (379.637.898)        | (200.000.000)        |
|           | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                        | 16    | -                    | -                    |
|           | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                       | 17    | (75.511.000)         | (83.100.757)         |
|           | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                | 20    | (17.846.389.701)     | (16.474.079.046)     |
| <b>II</b> | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |       |                      |                      |
|           | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài        | 21    | -                    | (35.102.000)         |
|           | hạn khác                                                     |       |                      |                      |
|           | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài     | 22    | -                    | -                    |
|           | hạn khác                                                     |       |                      |                      |
|           | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác         | 23    | -                    | -                    |
|           | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24    | -                    | -                    |
|           | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                      | 25    | -                    | -                    |
|           | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                  | 26    | -                    | -                    |
|           | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia          | 27    | 6.818.742            | 2.777.097            |
|           | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                    | 30    | 6.818.742            | (32.324.903)         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thánh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị tính: VND

| STT        | Chi tiêu                                                                                | Mã số     | 6 tháng đầu năm 2018   | 6 tháng đầu năm 2017  |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------|
| <b>III</b> | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                           |           |                        |                       |
|            | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        | -                      | -                     |
|            | Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        | -                      | -                     |
|            | Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        | 61.800.000.000         | 26.000.000.000        |
|            | Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        | (51.747.451.000)       | (7.998.600.000)       |
|            | Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        | -                      | -                     |
|            | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | -                      | -                     |
|            | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>                                     | <b>40</b> | <i>10.052.549.000</i>  | <i>18.001.400.000</i> |
| <b>IV</b>  | <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ</b>                                                   | <b>50</b> | <b>(7.787.021.959)</b> | <b>1.494.996.051</b>  |
| <b>1</b>   | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                         | <b>60</b> | <b>15.348.347.508</b>  | <b>3.141.122.851</b>  |
|            | Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | <b>61</b> | -                      | -                     |
| <b>2</b>   | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)                                             | <b>70</b> | <b>7.561.325.549</b>   | <b>4.636.118.902</b>  |

Lập tại tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ty

Trần Thị Hào



Thạm Thị Kim Xuân

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2018**

## **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Đệ Tam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303118498 ngày 12/01/2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là DTA kể từ ngày 16/7/2010 theo Quyết định số 130/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2010.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 150.000.000.000 đồng.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: De Tam Joint Stock Company. Tên viết tắt: De Tam J.S.C.

- Trụ sở chính đặt tại: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ kinh doanh: P.602 Lầu 6 Tòa nhà Centre Point, 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại Đồng Nai và chi nhánh tại Phú Quốc.
- Danh sách công ty con: Công ty Cổ Phần DTA Bắc Ninh. Trụ sở đặt tại Khu CN đô thị và DV VSIP Bắc Ninh, số 1, đường Hữu Nghị, Xã Phú Chấn, Thị xã Phú Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

### **2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Kinh doanh Bất động sản - Dịch vụ.**

### **3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

- Kinh doanh nhà. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình). Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn. Mua bán: vật liệu xây dựng; điện cơ; điện lạnh; dụng cụ thể thao; hàng công nghệ phẩm. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Mua bán, sửa chữa ô tô. Hoạt động thể thao. Kinh doanh: khu vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Đại lý bán vé máy bay.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - ngành nông - lâm nghiệp - văn phòng. Dịch vụ dọn vệ sinh văn phòng, nhà ở. Dịch vụ chăm sóc cây cảnh. Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại). Môi giới, đầu tư bất động sản. Quảng cáo bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

- Đối với hoạt động kinh doanh dự án: chu kỳ sản xuất kinh doanh trên 12 tháng.
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại: chu kỳ sản xuất kinh doanh trong vòng 12 tháng.

### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018.

### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có một văn phòng hoạt động, hạch toán độc lập, có chi nhánh.

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

## **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

## **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

#### **- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ

SỐ 12  
CÔNG  
HÀNH  
H VU T  
HÀNH K  
KIỂM T  
HÓA N  
TP HỒ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam" theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### **2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **Đầu tư tài chính khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

#### **Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

### **4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

#### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền.

#### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

(đơn vị chưa thực hiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

### **5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

#### **- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

| <u>Loại tài sản</u>               | <u>Thời gian khấu hao</u> |
|-----------------------------------|---------------------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc           | 05 - 30 năm               |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý        | 04 năm                    |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 - 10 năm               |

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

- Quyền sử dụng đất

Vô thời hạn

### **6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuế tài chính dài hạn.

### **9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### **16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### **18. Bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán****01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                          | Số cuối kỳ           | Số đầu năm            |
|------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                 | 3.869.609.928        | 7.163.222.102         |
| Tiền gửi ngân hàng bằng VND              | 1.014.048.768        | 682.837.763           |
| Tiền gửi ngân hàng bằng USD - 102,70 USD | 2.287.643            | 2.287.643             |
| Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng    | 2.675.379.210        | 7.500.000.000         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>7.561.325.549</b> | <b>15.348.347.508</b> |

**02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

|                                      | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Quang Chính             | 559.090.909          | -                    |
| - Bà Kiều Thị Thái Hà                | 1.658.307.500        | 2.971.837.500        |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 4.358.434.455        | 5.803.156.643        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>6.575.832.864</b> | <b>8.774.994.143</b> |

**03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|                                                                                                                                            | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Khoản ứng trước tiền thi công cơ sở hạ tầng và các công trình phụ trợ thuộc dự án khu dân cư Detaco và nhà ở xã hội chung cư Detaco đến: |                       |                       |
| + Công ty CP Xây lắp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Investco (bên liên quan)                                                                 | 12.262.125.600        | 12.262.125.600        |
| + Công ty Cổ phần Hà Gia An                                                                                                                | 14.348.410.227        | 14.348.410.227        |
| + Công ty TNHH Cơ điện SEMCO                                                                                                               | 1.641.058.329         | 1.641.058.329         |
| + Công ty TNHH Xây dựng DV Thành Nhân                                                                                                      | 5.356.533.600         | 5.356.533.600         |
| - Khoản trả trước đến Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh theo Thư chào chuyển nhượng đất đô thị tại VSIP Bắc Ninh ngày 22/9/2017                   | 3.244.741.500         | 3.244.741.500         |
| - Trả trước tiền đền bù đất tại Dự án Nhơn Trạch                                                                                           | 1.800.000.000         | -                     |
| - Các khoản trả trước nhà cung cấp khác                                                                                                    | 384.893.334           | 1.358.948.334         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                | <b>39.037.762.590</b> | <b>38.211.817.590</b> |

**04- PHẢI THU KHÁC**

|                                                            | Số cuối kỳ    |          | Số đầu năm    |          |
|------------------------------------------------------------|---------------|----------|---------------|----------|
|                                                            | Giá trị       | Dự phòng | Giá trị       | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn                                                |               |          |               |          |
| - Khoản ứng trước tiền phân chia lợi nhuận đến các cá nhân | 7.145.155.000 | -        | 6.431.260.000 | -        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

|                                              |               |   |               |   |
|----------------------------------------------|---------------|---|---------------|---|
| - Các khoản tạm ứng của nhân viên            | 178.850.632   | - | 200.100.632   | - |
| - Khoản ký quỹ mua vật tư xây dựng các dự án | 3.350.000.000 | - | 3.350.000.000 | - |
| - Các khoản phải thu khác                    | 525.927.795   | - | 276.193.593   | - |

|             |                       |          |                       |          |
|-------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| <b>Cộng</b> | <b>11.199.933.427</b> | <b>-</b> | <b>10.257.554.225</b> | <b>-</b> |
|-------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|

**04- PHẢI THU KHÁC**

Số cuối kỳ

Số đầu năm

| Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
|---------|----------|---------|----------|
|---------|----------|---------|----------|

**b) Dài hạn**

|                                                |                |   |                |   |
|------------------------------------------------|----------------|---|----------------|---|
| - Tạm ứng các bên liên quan để thực hiện dự án | 15.633.049.000 | - | 12.731.435.000 | - |
| - Khoản ký quỹ thuê văn phòng                  | 260.960.750    | - | 260.960.750    | - |

|             |                       |          |                       |          |
|-------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| <b>Cộng</b> | <b>15.894.009.750</b> | <b>-</b> | <b>12.992.395.750</b> | <b>-</b> |
|-------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|

**05- HÀNG TỒN KHO**

Số cuối kỳ

Số đầu năm

| Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
|---------|----------|---------|----------|
|---------|----------|---------|----------|

|                   |             |   |             |   |
|-------------------|-------------|---|-------------|---|
| - Nguyên vật liệu | 131.774.652 | - | 141.274.110 | - |
| - Hàng hóa        | 579.758.696 | - | 579.758.696 | - |

|             |                    |          |                    |          |
|-------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| <b>Cộng</b> | <b>711.533.348</b> | <b>-</b> | <b>721.032.806</b> | <b>-</b> |
|-------------|--------------------|----------|--------------------|----------|



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**06- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| Chỉ tiêu                         | Nhà cửa - Vật<br>kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải | Thiết bị dụng<br>cụ quản lý | Tổng cộng     |
|----------------------------------|----------------------------|---------------------|------------------------|-----------------------------|---------------|
| I. Nguyên giá                    |                            |                     |                        |                             |               |
| 1. Số dư đầu năm                 | 4.623.648.703              | -                   | 2.577.568.996          | 35.102.000                  | 7.236.319.699 |
| 2. Số tăng trong kỳ              | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| - Mua sắm mới                    | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| 3. Số giảm trong kỳ              | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| - Giảm do thanh lý               | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ                 | 4.623.648.703              | -                   | 2.577.568.996          | 35.102.000                  | 7.236.319.699 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế       |                            |                     |                        |                             |               |
| 1. Số dư đầu năm                 | 1.861.133.156              | -                   | 1.384.001.819          | 5.850.336                   | 3.250.985.311 |
| 2. Số tăng trong kỳ              | 69.223.998                 | -                   | 110.320.716            | 4.387.752                   | 183.932.466   |
| - Khấu hao trong kỳ              | 69.223.998                 | -                   | 110.320.716            | 4.387.752                   | 183.932.466   |
| 3. Số giảm trong kỳ              | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| - Giảm do thanh lý               | -                          | -                   | -                      | -                           | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ                 | 1.930.357.154              | -                   | 1.494.322.535          | 10.238.088                  | 3.434.917.777 |
| III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH |                            |                     |                        |                             |               |
| 1. Tại ngày đầu năm              | 2.762.515.547              | -                   | 1.193.567.177          | 29.251.664                  | 3.985.334.388 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ              | 2.693.291.549              | -                   | 1.083.246.461          | 24.863.912                  | 3.801.401.922 |

TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá: 989.699.995 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ được dùng để thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 30/06/2018 là: 2.880.966.618 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**07- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

| Chỉ tiêu                         | Quyền sử dụng đất | Tổng cộng     |
|----------------------------------|-------------------|---------------|
| I. Nguyên giá                    |                   |               |
| 1. Số dư đầu năm                 | 8.274.640.000     | 8.274.640.000 |
| 2. Số tăng trong kỳ              | -                 | -             |
| 3. Số giảm trong kỳ              | -                 | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ                 | 8.274.640.000     | 8.274.640.000 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế       |                   |               |
| 1. Số dư đầu năm                 | -                 | -             |
| 2. Số tăng trong kỳ              | -                 | -             |
| 3. Số giảm trong kỳ              | -                 | -             |
| 4. Số dư cuối kỳ                 | -                 | -             |
| III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH |                   |               |
| 1. Tại ngày đầu năm              | 8.274.640.000     | 8.274.640.000 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ              | 8.274.640.000     | 8.274.640.000 |

Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 2/8 (số cũ 360/28 bis) đường Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.  
Tài sản này đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại thuyết minh số V.14 (b).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**08- CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN**

|                                              | <b>Số cuối kỳ</b>      |                       | <b>Số đầu năm</b>      |                        |
|----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 219.372.196.007        |                       | 205.145.538.175        |                        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>219.372.196.007</b> |                       | <b>205.145.538.175</b> |                        |
|                                              | <b>Đầu năm</b>         | <b>Tăng</b>           | <b>Giảm</b>            | <b>Cuối kỳ</b>         |
| Bao gồm:                                     |                        |                       |                        |                        |
| Dự án khu dân cư Detaco (*)                  | 114.877.509.467        | 17.749.744.586        | 5.263.843.528          | 127.363.410.525        |
| Dự án nhà ở xã hội Detaco (**)               | 44.083.013.947         | 2.277.757.185         | 1.463.228.000          | 44.897.543.132         |
| Dự án nhà vườn sinh thái Hà Nội (***)        | 39.927.292.182         | -                     | -                      | 39.927.292.182         |
| Dự án khu biệt thự Detaco Phú Quốc           | 5.987.718.461          | 781.504.003           | -                      | 6.769.222.464          |
| Các dự án khác                               | 270.004.118            | 144.723.586           | -                      | 414.727.704            |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>205.145.538.175</b> | <b>20.953.729.360</b> | <b>6.727.071.528</b>   | <b>219.372.196.007</b> |

(\*) Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay đã vốn hóa cho dự án Khu dân cư Detaco phát sinh trong năm là 1.652.170.640 đồng và lũy kế đến 30/6/2018 là 28.638.543.324 đồng.

(\*\*) Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay đã vốn hóa cho dự án phát sinh trong năm là 1.086.173.167 đồng và lũy kế đến 30/6/2018 là 6.007.345.349 đồng.

(\*\*\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền liên quan đến việc Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn (50 năm) từ ngày 21/9/1994) tại xã Song Phương, huyện Đan Phượng, Hà Nội theo hợp đồng số 01/7/2016/HDCN-QSĐĐ ngày 17/7/2016 với tổng giá trị là 39.802.560.000 đồng. Tính đến 30/6/2018, Công ty chưa đạt được quyền sử dụng đất nêu trên.

**09- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|                                                                      | <b>Số cuối kỳ</b>     |                 | <b>Số đầu năm</b>     |                       |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                      | <b>Giá trị</b>        | <b>Dự phòng</b> | <b>Giá trị</b>        | <b>Dự phòng</b>       |
| (*) - Đầu tư vào đơn vị khác                                         | 11.950.000.000        | -               | 11.950.000.000        | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                          | <b>11.950.000.000</b> | <b>-</b>        | <b>11.950.000.000</b> | <b>-</b>              |
| (*) Bao gồm:                                                         |                       |                 | <b>Số cuối kỳ</b>     | <b>Số đầu năm</b>     |
| (a) - Công ty CP Xây lắp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Investco - DTA |                       |                 | 9.800.000.000         | 9.800.000.000         |
| (b) - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tài Nguyên                   |                       |                 | 2.000.000.000         | 2.000.000.000         |
| - Các khoản đầu tư khác                                              |                       |                 | 150.000.000           | 150.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                          |                       |                 | <b>11.950.000.000</b> | <b>11.950.000.000</b> |

(a) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Investco - DTA ("Investco - DTA"): theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 49%/tổng vốn điều lệ (20 tỷ đồng) tương đương 9,8 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2018, theo Biên bản họp Đại hội cổ đông của Investco - DTA thì tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Investco - DTA là 19% nên được phân loại sang khoản mục "Đầu tư vào đơn vị khác".

(b) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tài Nguyên: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 10%/tổng vốn điều lệ (20 tỷ đồng) tương đương 2 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6/2018, Công ty đã góp bằng tiền là 2.000.000.000 đồng tương đương 10% tổng vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên được Công ty xem xét dựa trên các Báo cáo tài chính năm 2017 chưa được kiểm toán của các đơn vị nhận đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**10- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BẮN NGẮN HẠN**

|                                   | Số cuối kỳ           |                       | Số đầu năm           |                       |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
|                                   | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ |
| - Công ty CP XD Số 5              | 1.270.736.400        | 1.270.736.400         | 2.039.398.200        | 2.039.398.200         |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 686.753.832          | 686.753.832           | 612.019.742          | 612.019.742           |
| <b>Cộng</b>                       | <b>1.957.490.232</b> | <b>1.957.490.232</b>  | <b>2.651.417.942</b> | <b>2.651.417.942</b>  |

**11- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NN**

|                              | Số đầu năm           | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối kỳ           |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.343.690.430        | 202.074.705           | 379.637.898         | 1.166.127.237        |
| - Thuế thu nhập cá nhân      | 51.351.576           | 161.397.147           | 177.319.511         | 35.429.212           |
| - Các loại thuế khác         | -                    | 5.000.000             | 5.000.000           | -                    |
| <b>Cộng</b>                  | <b>1.395.042.006</b> | <b>368.471.852</b>    | <b>561.957.409</b>  | <b>1.201.556.449</b> |

**12- CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                             | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí lãi vay phải trả                  | 1.191.759.509        | 2.437.110.770        |
| - Chi phí cơ sở hạ tầng phải trả (tạm tính) | 5.060.618.232        | 6.667.453.757        |
| - Chi phí phải trả khác                     | 119.888.000          | 636.718.182          |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>6.372.265.741</b> | <b>9.741.282.709</b> |

**13- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC****a) Ngắn hạn**

|                                                                                              | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Bảo hiểm bắt buộc                                                                          | 83.209.232           | 58.007.314           |
| - Có tức năm 2010 còn phải trả                                                               | 522.882.000          | 522.882.000          |
| - Khoản phải trả liên quan đến việc chuyển nhượng đất đô thị tại VSIP Bắc Ninh               | 1.050.000.000        | 1.320.000.000        |
| - Phải trả liên quan đến khoản tiền nhận đặt cọc hợp đồng mua vật tư từ Công ty CP Hà Gia An | -                    | 49.302.395           |
| - Nhận ký quỹ mua bán đầu tư                                                                 | 500.000.000          | -                    |
| - Phải trả khác                                                                              | 940.516.100          | 1.089.790.200        |
| <b>Cộng</b>                                                                                  | <b>3.096.607.332</b> | <b>3.039.981.909</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**13- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                                                                                            | Số cuối kỳ            | Số đầu kỳ             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>b) Dài hạn</b>                                                                                          |                       |                       |
| (b1) - Khoản nhận vốn góp từ các cá nhân cho dự án Khu biệt thự Detaco Phú Quốc, Kiên Giang                |                       |                       |
| + Ông Nguyễn Ngọc Đức                                                                                      | 8,000,000,000         | 7,800,000,000         |
| + Bà Hoàng Thị Phương Mai                                                                                  | -                     | 2,850,000,000         |
| + Bà Phạm Thị Kim Thanh                                                                                    | -                     | 1,500,000,000         |
| (b2) - Khoản nhận vốn góp từ các cá nhân cho dự án Khu đô thị Detaco tại xã Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai | 6,420,129,995         | 511,000,000           |
| <b>Cộng</b>                                                                                                | <b>14,420,129,995</b> | <b>12,661,000,000</b> |

(b1) Khoản nhận vốn góp hợp tác từ các cá nhân theo các hợp đồng góp vốn có thời hạn 05 năm. Phần chia lợi nhuận thu được khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác kinh doanh theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên quy định tại hợp đồng sau khi đã trừ đi tất cả các chi phí hợp lý trong quá trình thực hiện dự án được hai bên chấp thuận. Hàng tháng, Công ty sẽ ứng trước lợi nhuận đến các cá nhân theo số vốn góp tương ứng với tỷ suất 1,05%/tháng. Số lợi nhuận ứng trước này sẽ được quyết toán khi dự án hoàn thành. Nếu hết thời hạn hợp đồng, các dự án chưa được khai thác thì Công ty sẽ hoàn trả lại số vốn góp của các cá nhân này tiền hoặc bằng diện tích đất dự án với giá ưu đãi theo hợp đồng tương ứng với số tiền đã nhận góp vốn trừ đi khoản ứng trước, lợi nhuận đến các cá nhân.

(b2) Khoản nhận vốn góp hợp tác từ cá nhân theo các hợp đồng góp vốn để thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật tại dự án Khu đô thị Detaco. Công ty sẽ trả cho các cá nhân số vốn đã góp bằng quyền mua các nền đất tại dự án này với giá ưu đãi đã được quy định trong hợp đồng hoặc nhận nền đất để xây dựng nhà ở có hạ tầng kỹ thuật tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**14- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**a/ Vay ngắn hạn**

| Đối tượng vay            | Cuối kỳ               |                       | Trong kỳ              |                       | Đầu năm               |                       |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                          | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                  | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| - Agribank - CN Chợ Lớn  | 62.000.000.000        | 62.000.000.000        | 46.000.000.000        | 45.000.000.000        | 61.000.000.000        | 61.000.000.000        |
| - Vay từ các cá nhân     | -                     | -                     | 800.000.000           | 3.450.000.000         | 2.650.000.000         | 2.650.000.000         |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả | 20.904.640.053        | 20.904.640.053        | -                     | -                     | 24.202.091.053        | 24.202.091.053        |
| <b>Cộng</b>              | <b>82.904.640.053</b> | <b>82.904.640.053</b> | <b>46.800.000.000</b> | <b>48.450.000.000</b> | <b>87.852.091.053</b> | <b>87.852.091.053</b> |

**b/ Vay dài hạn**

| Đối tượng vay            | Cuối kỳ               |                       | Trong kỳ              |                      | Đầu năm               |                       |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                          | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Tăng                  | Giảm                 | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| - Agribank - CN Chợ Lớn  | 41.857.496.140        | 41.857.496.140        | -                     | -                    | 41.857.496.140        | 41.857.496.140        |
| - NH Phương Đông         | 9.842.049.000         | 9.842.049.000         | -                     | 297.451.000          | 10.139.500.000        | 10.139.500.000        |
| - NH Đồng Á              | 9.160.000.000         | 9.160.000.000         | -                     | -                    | 9.160.000.000         | 9.160.000.000         |
| - Vay từ các cá nhân     | 15.974.200.000        | 15.974.200.000        | 15.000.000.000        | 3.000.000.000        | 3.974.200.000         | 3.974.200.000         |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả | (20.904.640.053)      | (20.904.640.053)      | -                     | -                    | (24.202.091.053)      | (24.202.091.053)      |
| <b>Cộng</b>              | <b>55.929.105.087</b> | <b>55.929.105.087</b> | <b>15.000.000.000</b> | <b>3.297.451.000</b> | <b>40.929.105.087</b> | <b>40.929.105.087</b> |

**(a) Ngân hạn:**

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo hợp đồng vay số 6220-LAV-201701101 ngày 19/10/2017 với tổng hạn mức vay là 16 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Khoản vay này được đảm bảo cùng với hợp đồng thế chấp cho khoản vay dài hạn với tổng giá trị đảm bảo là 394.950.400.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2018 là từ 6,5%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 16.000.000.000 đồng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

### 14- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo hợp đồng vay số 6220-LAV-201800089 ngày 29/01/2018 với tổng hạn mức vay là 16 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản cho khoản vay dài hạn với tổng giá trị đảm bảo là 394.950.400.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2018 là 6%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 16.000.000.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo hợp đồng vay số 6220-LAV-201800355 ngày 23/4/2017 với tổng hạn mức vay là 30 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp tài sản cho khoản vay dài hạn với tổng giá trị đảm bảo là 394.950.400.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2018 là 6%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: cuối kỳ. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 30.000.000.000 đồng.

#### (b) Dãi hạn:

Khoản vay Ngân hàng NN và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo các hợp đồng vay sau:

+ Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo các hợp đồng vay số 6220-LAV-201500882 ngày 18/9/2015 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; mục đích vay: thực hiện dự án đầu tư khu dân cư nhà ở xã hội Detaco tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là bất động sản tại số 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh; căn hộ chung cư cao cấp số B2/4 (thuộc cao ốc Phú Nhuận tại số 20 Hoàng Minh Giám, P.9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh) thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Kim Xuân; và Tài sản gắn liền với bất động sản trong tương lai của dự án chung cư nhà ở xã hội Detaco tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với tổng tài sản đảm bảo là 394.950.400.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2018 là 5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 41.297.496.140 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 17.305.007.720 đồng.

+ Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Chợ Lớn theo các hợp đồng vay số 6220-LAV-201600095 ngày 07/7/2016 với tổng hạn mức vay là 700 triệu đồng; mục đích vay: mua xe ô tô; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành vốn vay; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất tại ngày 30/6/2018 là 8,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 560.000.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 140.000.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng vay số 0601/2015/HĐTD-DN ngày 12/10/2015 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; mục đích vay: thực hiện thi công hạ tầng khu đất nền khu dân cư tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là căn hộ chung cư cao cấp địa chỉ 08.08 cao ốc Phú Nhuận tại số 20 Hoàng Minh Giám, P.9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Kim Xuân; và quyền sử dụng đất (diện tích 69.758,8 m<sup>2</sup>) tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; thời hạn vay: 60 tháng; thời gian ân hạn: 24 tháng; lãi suất vay: 10,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 9.842.049.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.485.432.333 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Tân Bình theo hợp đồng vay trung hạn số H\_0052/1217 ngày 29/9/2017 với tổng hạn mức vay là 39 tỷ đồng; mục đích vay: thực hiện thi công hạ tầng khu đất nền khu dân cư tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản với tổng giá trị thế chấp là 55.922.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; thời gian ân hạn cho khoản vay trong năm đầu tiên là 12 tháng; lãi suất vay trong 12 tháng đầu là: 9%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 9.160.000.000 đồng.

- Vay từ các cá nhân theo các hợp đồng vay vốn trung hạn; mục đích vay chi tiết theo từng hợp đồng; với lãi suất vay từ 1,25% đến 1,425%/tháng; không có tài sản thế chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                        | A | 1               | 3 | 4             | 6               |
|----------------------------------------|---|-----------------|---|---------------|-----------------|
| <b>Số dư đầu kỳ trước (01/01/2017)</b> |   | 150.000.000.000 | - | 4.579.335.311 | (2.685.625.717) |
| Tăng vốn trong kỳ trước                |   | -               | - | -             | -               |
| Lãi trong kỳ trước                     |   | -               | - | -             | 641.478.892     |
| Tăng khác                              |   | -               | - | -             | -               |
| Giảm vốn trong kỳ trước                |   | -               | - | -             | -               |
| Lỗ trong kỳ trước                      |   | -               | - | -             | -               |
| Giảm khác                              |   | -               | - | -             | -               |
| <b>Số dư cuối kỳ trước (30/6/2017)</b> |   | 150.000.000.000 | - | 4.579.335.311 | (2.044.146.825) |
| <b>Số dư đầu kỳ này (01/01/2018)</b>   |   | 150.000.000.000 | - | 4.579.335.311 | 1.060.780.456   |
| Tăng vốn trong kỳ này                  |   | -               | - | -             | -               |
| Lãi trong kỳ này                       |   | -               | - | -             | 796.941.444     |
| Tăng khác                              |   | -               | - | -             | -               |
| Giảm vốn trong kỳ này                  |   | -               | - | -             | -               |
| Lỗ trong kỳ này                        |   | -               | - | -             | -               |
| Giảm khác                              |   | -               | - | -             | -               |
| <b>Số dư cuối kỳ này (30/6/2018)</b>   |   | 150.000.000.000 | - | 4.579.335.311 | 1.857.721.900   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

| b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu                                                     | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                       |                        |                        |
| - Vốn góp của các cổ đông                                                             | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
| <b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>                                                 | <b>150.000.000.000</b> | <b>150.000.000.000</b> |
| <b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức</b> |                        |                        |
|                                                                                       | Kỳ này                 | Kỳ trước               |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                                           |                        |                        |
| + Vốn góp đầu kỳ                                                                      | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
| + Vốn góp tăng trong kỳ                                                               | -                      | -                      |
| + Vốn góp giảm trong kỳ                                                               | -                      | -                      |
| + Vốn góp cuối kỳ                                                                     | 150.000.000.000        | 150.000.000.000        |
| - Cổ tức đã được phê duyệt để chi trả                                                 | -                      | -                      |
| <b>d. Cổ phiếu</b>                                                                    |                        |                        |
|                                                                                       | Kỳ này                 | Kỳ trước               |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                                                 |                        |                        |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng                                              | 15.000.000             | 15.000.000             |
| + Cổ phiếu phổ thông                                                                  | 15.000.000             | 15.000.000             |
| + Cổ phiếu ưu đãi                                                                     | -                      | -                      |
| - Số lượng cổ phiếu mua lại                                                           | -                      | -                      |
| + Cổ phiếu phổ thông                                                                  | -                      | -                      |
| + Cổ phiếu ưu đãi                                                                     | -                      | -                      |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                                                     | 15.000.000             | 15.000.000             |
| + Cổ phiếu phổ thông                                                                  | 15.000.000             | 15.000.000             |
| + Cổ phiếu ưu đãi                                                                     | -                      | -                      |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

| 01- DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV            | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Doanh thu bán đất nền dự án Detaco               | 9.873.362.794        | 6.338.866.842        |
| - Doanh thu bán căn hộ - dự án nhà ở xã hội Detaco | 3.487.517.655        | 2.105.060.728        |
| - Doanh thu khác                                   | 34.761.000           | -                    |
| - Hàng bán bị trả lại                              | (3.599.690.563)      | (2.898.826.793)      |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>9.795.950.886</b> | <b>5.545.100.777</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

| <b>02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>                      | <b>6 tháng đầu năm 2018</b> | <b>6 tháng đầu năm 2017</b> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Giá vốn bán đất nền dự án Detaco               | 5.187.008.003               | 2.448.438.000               |
| - Giá vốn bán căn hộ - dự án nhà ở xã hội Detaco | 1.463.228.000               | 1.555.235.500               |
| - Giá vốn khác                                   | -                           | 109.568.942                 |
| - Giá vốn hàng bán bị trả lại                    | (1.530.000.000)             | (1.702.731.165)             |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>5.120.236.003</b>        | <b>2.410.511.277</b>        |
| <b>03- CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>                     | <b>6 tháng đầu năm 2018</b> | <b>6 tháng đầu năm 2017</b> |
| - Chi phí lãi vay                                | 2.027.678.201               | 1.363.646.520               |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>2.027.678.201</b>        | <b>1.363.646.520</b>        |
| <b>04- CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>          | <b>6 tháng đầu năm 2018</b> | <b>6 tháng đầu năm 2017</b> |
| - Chi phí nhân viên quản lý                      | 811.710.942                 | 753.079.877                 |
| - Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng    | 53.085.428                  | 29.528.800                  |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ                          | 183.932.466                 | 181.007.298                 |
| - Thuế, phí và lệ phí                            | 5.000.000                   | 5.280.000                   |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 1.232.446.481               | 586.088.107                 |
| - Chi phí khác bằng tiền                         | 109.947.062                 | 53.420.215                  |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>2.396.122.379</b>        | <b>1.608.404.297</b>        |
| <b>05- THU NHẬP KHÁC</b>                         | <b>6 tháng đầu năm 2018</b> | <b>6 tháng đầu năm 2017</b> |
| - Thu phí dịch vụ tư vấn chuyển nhượng nền đất   | 485.000.000                 | 30.000.000                  |
| - Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng              | 184.669.902                 | 232.278.500                 |
| - Thu nhập do xử lý các khoản không phải trả     | -                           | 145.536.432                 |
| - Thu nhập khác                                  | 234.513.989                 | 386.486.967                 |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>904.183.891</b>          | <b>794.301.899</b>          |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thánh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

| 06- CHI PHÍ KHÁC | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí khác   | 11.357.377           | 20.000.000           |
| <b>Cộng</b>      | <b>11.357.377</b>    | <b>20.000.000</b>    |

**07- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

|                                                                                              | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                          | 999.016.149          | 641.478.892          |
| - Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | 11.357.377           | 502.520.000          |
| + Các khoản điều chỉnh Tăng                                                                  | 11.357.377           | 502.520.000          |
| + Các khoản điều chỉnh Giảm                                                                  | -                    | -                    |
| - Chuyển lỗ từ các kỳ trước                                                                  |                      | (604.825.361)        |
| - Tổng thu nhập chịu thuế                                                                    | 1.010.373.526        | 539.173.531          |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                               | 202.074.705          | -                    |
| - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                   | <b>796.941.444</b>   | <b>641.478.892</b>   |

**08- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                       | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp    | 796.941.444          | 641.478.892          |
| - Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                    | -                    |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 15.000.000           | 15.000.000           |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | <b>53</b>            | <b>43</b>            |

**09- CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

|                               | 6 tháng đầu năm 2018   | 6 tháng đầu năm 2017   |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 192.329.798            | 42.011.931             |
| Chi phí nhân công             | 2.768.123.085          | 2.681.216.543          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ         | 183.932.466            | 181.007.298            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 8.021.699.377          | 201.878.413.968        |
| Chi phí bằng tiền khác        | 9.635.760.753          | 112.607.464            |
| <b>Cộng</b>                   | <b>-20.801.845.479</b> | <b>204.895.257.204</b> |

01/17/2018  
CÔNG TY  
MIEKHO  
VỤ TƯ  
KHẾ  
HỆM TC  
TÀI NẠI  
T.P.HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thánh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

### VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 01- Các cam kết

Cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mê Kông Rạch Giá theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1701389629 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12/6/2010 với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Công ty góp 5% vốn điều lệ của công ty này tương đương 3 tỷ đồng. Số vốn Công ty đã góp đến ngày 30/6/2018 là 150 triệu đồng. Số vốn cam kết Công ty còn phải góp thêm là 2,85 tỷ đồng.

Trong kỳ, Công ty có đăng ký thành lập Công ty Cổ Phần DTA Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2301022642 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 03/4/2018 với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Số vốn góp Công ty đăng ký góp là 80% vốn điều lệ của công ty này tương đương 48 tỷ đồng. Số vốn Công ty đã góp đến ngày 30/6/2018 là 0 đồng. Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 48 tỷ đồng.

#### 02- Thông tin về các bên liên quan

##### a/ Các bên liên quan

| Bên liên quan                                                  | Mối quan hệ                          |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Công ty CP Xây lắp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Investco - DTA | Công ty liên kết                     |
| Ông Trần Đức Lợi                                               | Chủ tịch HĐQT                        |
| Bà Phạm Thị Kim Xuân                                           | Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Quang Mỹ                                              | Thành viên                           |
| Bà Nguyễn Hồng Mai                                             | Thành viên                           |
| Bà Vũ Thị Thanh Vân                                            | Thành viên                           |
| Ông Trần Văn Hùng                                              | Phó Tổng Giám đốc                    |
| Bà Trần Thị Hào                                                | Kế toán trưởng                       |

##### b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu gồm:

| Các bên liên quan                                              | Nội dung              | Phát sinh trong kỳ | Số cuối kỳ     |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------|----------------|
| Công ty CP Xây lắp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Investco - DTA | Nhận cung cấp dịch vụ | -                  | 12.262.125.600 |
| Ông Trần Đức Lợi                                               | Tạm ứng               | -                  | 478.000.000    |
|                                                                | Lương                 | 180.000.000        | -              |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thánh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan (tiếp theo)**

| Các bên liên quan    | Nội dung | Phát sinh trong kỳ | 2.675.379.210 |
|----------------------|----------|--------------------|---------------|
| Bà Phạm Thị Kim Xuân | Tạm ứng  | -                  | 813.000.000   |
|                      | Lương    | 240.000.000        | -             |
| Bà Nguyễn Hồng Mai   | Lương    | 120.000.000        | -             |
| Ông Trần Văn Hùng    | Tạm ứng  | -                  | 1.127.670.000 |
|                      | Lương    | 154.703.704        | -             |
| Bà Trần Thị Hảo      | Lương    | 112.144.866        | -             |

**03- Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**04- Công cụ tài chính***Quản lý rút ro vốn*

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông tổ chức và cá nhân.

*Các chính sách kế toán chủ yếu*

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

**Số liệu về các loại công cụ tài chính**

| Tài sản tài chính                  | Giá trị sổ sách       |                       | Giá trị hợp lý        |                       |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                    | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 4.885.946.339         | 7.848.347.508         | 4.885.946.339         | 7.848.347.508         |
| Phải thu khách hàng                | 6.575.832.864         | 8.774.994.143         | 6.575.832.864         | 8.774.994.143         |
| Trả trước cho người bán            | 39.037.762.590        | 38.211.817.590        | 39.037.762.590        | 38.211.817.590        |
| Phải thu khác                      | 11.199.933.427        | 10.257.554.225        | 11.199.933.427        | 10.257.554.225        |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>61.699.475.220</b> | <b>65.092.713.466</b> | <b>61.699.475.220</b> | <b>65.092.713.466</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

| Công nợ tài chính        | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                          | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
| Phải trả cho người bán   | 1.957.490.232          | 2.651.417.942          | 1.957.490.232          | 2.651.417.942          |
| Người mua trả tiền trước | 1.450.187.376          | 1.753.811.019          | 1.450.187.376          | 1.753.811.019          |
| Vay & nợ thuê TC (NH+DH) | 138.833.745.140        | 128.781.196.140        | 138.833.745.140        | 128.781.196.140        |
| Phải trả người lao động  | 399.795.256            | 205.850.000            | 399.795.256            | 205.850.000            |
| Chi phí phải trả         | 6.372.265.741          | 9.741.282.709          | 6.372.265.741          | 9.741.282.709          |
| Các khoản phải trả khác  | 3.096.607.332          | 3.039.981.909          | 3.096.607.332          | 3.039.981.909          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>152.110.091.077</b> | <b>146.173.539.719</b> | <b>152.110.091.077</b> | <b>146.173.539.719</b> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

*Quản lý rủi ro tài chính*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

0311726  
CÔNG TY  
KIỂM SÁT  
VỤ TỰ  
KIỂM TOÁN  
TÁI NAM  
TP.HCM

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Địa chỉ: số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

## 05- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

  
Trần Thị Kim Ty

Kế toán trưởng

  
Trần Thị Hào

Lập tại tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2018

Tổng Giám đốc



  
Trần Thị Kim Loan

